



輔英科技大學

**2024 年新南向產學合作國際專班
(春季班)申請入學招生簡章
(越南)**

Fooyin University

**Admission Brochure for International Programs of New
Southbound Industry-Academia Collaboration
Spring Semester 2024**

Address : 151, Jinxue Rd., Daliao Dist., Kaohsiung, 831301, Taiwan, R.O.C.

Website : <https://eic.fy.edu.tw/>

E-mail : oia@msg.fy.edu.tw / oia@fy.edu.tw

Tel : +886-7-7811151 ext. 2401、2402

Fax : +886-7-7828258

Online application : <https://exam.fy.edu.tw/IAC>



目錄/Contents

壹、申請資格/ Applicants' Qualifications/ Điều kiện ứng tuyển-----	1
貳、申請方式及重要日程表/ Application method and Important Dates /Phương thức nộp hồ sơ và lịch trình quan trọng -----	3
參、申請應繳交資料/ Required Documents/ Tham gia và ứng dụng nên gửi tài liệu-----	4
肆、獎學金/ Scholarships /Học bổng -----	6
伍、系所招生資訊/ Programs and Quotas /Thông tin tuyển sinh khoa -----	7
陸、申請費用/ Application Fee /Phí đăng ký -----	7
柒、審查及錄取通知/ Review and Notification for Admission /Thông báo Xét tuyển và Nhập học -----	8
捌、報到與註冊入學/ Registration and Admission /Đăng ký, đăng kiểm-----	9
玖、學雜費/ Tuition and Miscellaneous Fees /các loại phí khác -----	10
拾、住宿與生活費/ Accommodation and Living Expenses/ Chi phí ăn ở và sinh hoạt -----	12
拾壹、保險/ Insurance /Bảo hiểm -----	12
拾貳、其他注意事項/ Other Important Information /Các biện pháp phòng ngừa khác -----	13
< 附件 > Appendices Phụ lục	
附件一、輔英科技大學國際學生產學合作專班申請入學繳交資料檢點表/ Appendix I : Application Checklist-----	14
Phụ lục 1: Bảng Kiểm tra Tài liệu Nộp Khi Đăng Ký Nhập Học Chương Trình Hợp Tác Sinh Viên - Trường Đại học Fooyin	

壹、申請資格/ Applicants' Qualifications

I. Điều kiện áp dụng

一、入學身分/ Identity

I. Nhập học

具新南向國家國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

I. Những cá nhân có quốc tịch của các quốc gia có chính sách hướng nam mới (NSP), người chưa bao giờ có quốc tịch từ Trung Hoa Dân Quốc ("R.O.C.") và không có tư cách sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài tại thời điểm nộp đơn.

※有下列各款情形之一者，屬中華民國國籍：

Bất kỳ ai có một trong các trường hợp sau đây đều là công dân của Trung Hoa Dân Quốc:

1、出生時父或母為中華民國國民。

Cha hoặc mẹ là công dân của Trung Hoa Dân Quốc vào thời điểm sinh ra.

2、出生於父或母死亡後，其父或母死亡時為中華民國國民。

Sinh ra sau cái chết của một trong hai cha mẹ, một trong hai cha mẹ là công dân của Trung Hoa Dân Quốc vào thời điểm qua đời.

3、出生於中華民國領域內，父母均無可考，或均無國籍者。

Sinh ra trên lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc mà cha mẹ là người không quốc tịch hoặc không quốc tịch.

4、歸化者。

Người đã nhập quốc tịch

前項第一款及第二款之規定，於國籍法修正公布時之未成年人，亦適用之。

※An applicant shall have the nationality of the R.O.C. under any of the conditions provided by the following Subparagraphs:

Các quy định tại Điều 1 và Điều 2 của đoạn trên cũng được áp dụng đối với người chưa thành niên khi Luật Căn cước công dân được sửa đổi và ban hành.

1、His/her father or mother was a national of the R.O.C. when he/she was born.

2、He/she was born after the death of his/her father or mother, and his/her father or mother was a national of the R.O.C. at the time of death.

3、He/she was born in the territory of the R.O.C., and his/her parents can't be ascertained or both were stateless persons.

4、He/she has undergone the naturalization process of R.O.C..

The provisions specified in subparagraphs 1 and 2 above shall also apply to minors at the time of the amendment and promulgation of the Nationality Act.

Preceding Subparagraph 1 and Subparagraph 2 shall also apply to the persons who were minors at the time of the amendment and promulgation of this Act.

1. Cha hoặc mẹ của người đó là công dân của Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan) khi người đó được sinh ra.

2. Người đó được sinh ra sau khi cha hoặc mẹ của người đó qua đời, và cha hoặc mẹ của người đó là công dân của Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan) tại thời điểm qua đời.

3. Người đó được sinh ra tại lãnh thổ của Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan), và cha mẹ của người đó không thể xác định hoặc cả hai đều là người vô quốc tịch.

4. Người đó đã trải qua quá trình nhập tịch của Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan).

Các điều khoản được chỉ định trong khoản 1 và khoản 2 ở trên cũng áp dụng cho người vị thành niên tại thời điểm sửa đổi và ban hành Luật Quốc tịch.

Khoản phía trước của Điều khoản 1 và Điều khoản 2 cũng áp dụng cho những người vị thành niên tại thời điểm sửa đổi và ban hành Luật này.

2024 年度申請至本校就讀之外國學生，其應備文件及相關規定應以中華民國教育部網站公布之最新『外國學生來臺就學辦法』之規定為準，若有修改，以教育部為主。
(網址 <https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001>)及本校網站。

All required documents and regulations of application are based on MOE “Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan”. Please visit Ministry of Education (MOE) (<https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001>) and Fooyin University official websites for important and latest information before submitting your application.

Đối với học sinh nước ngoài nộp đơn để nhập học tại trường trong năm học 2023, các tài liệu cần thiết và các quy định liên quan phải tuân theo các quy định mới nhất về "Quy định về việc Học sinh Nước ngoài đến Đài Loan học tập," được công bố trên trang web của Bộ Giáo dục Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan). Đối với bất kỳ sự điều chỉnh nào, sẽ tuân theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục.

(Địa chỉ trang web: <https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001>) và trang web chính thức của Trường Đại học Fooyin.

Vui lòng truy cập trang web của Bộ Giáo dục (MOE)

(<https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001>) và trang web chính thức của Trường Đại học Fooyin để cập nhật thông tin quan trọng và mới nhất trước khi nộp đơn của bạn.

二、學歷資格/ Academic Qualification Requirements

Yêu cầu về Học vị và Trình độ học vấn

(一)申請本專班者需具國外高中畢業或以上學歷，畢業證書須經我國外館認證。

Applicants for this program should have at least high school degrees. The graduation certificate must be certified by the Taiwan's overseas representative offices.

(1) Những người nộp đơn cho chương trình này cần có ít nhất bằng cấp trung học phổ thông. Chứng chỉ tốt nghiệp phải được chứng thực bởi các đại diện nước ngoài của Đài Loan.

(二)申請人畢業學校須為我國教育部認可或當地國政府權責機關或專業評鑑團體認可，符合教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」規定之學校或我國政府立案之學校。

Applicants must have graduated from schools accredited by the Ministry of Education of the R.O.C. or recognized by local government agencies or professional evaluation organizations, per the “Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Foreign Academic Credentials for Institutions of Higher Education”.

(2) Người nộp đơn phải tốt nghiệp từ các trường được Bộ Giáo dục của Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan) công nhận hoặc được các cơ quan chính phủ địa phương hoặc tổ chức đánh giá chuyên nghiệp công nhận, theo quy định trong "Quy định về việc Đánh giá và Công nhận Bằng cấp Học vị Nước ngoài cho Các cơ sở Giáo dục Cao học".

三、語言能力/ Language Proficiency

III. Năng lực Ngôn ngữ:

本校教學以華語授課為主，部分課程採英語授課。申請者需檢附華語文能力證明，符合下列之一：

Classes are instructed mainly in Chinese and partially in English. Applicants should provide either one of the following Chinese proficiency documents:

Chương trình giảng dạy tại trường chủ yếu bằng tiếng Trung Quốc và một phần bằng tiếng Anh. Người nộp đơn cần phải đính kèm một trong các tài liệu chứng minh khả năng tiếng Trung Quốc sau đây:

(一) TOCFL 入門級：A1(含)以上

(1) Bằng chứng nhận kết quả kỳ thi TOCFL: Mức A1 (hoặc cao hơn).

TOCFL Test : Level A1 (or above)

(二) HSK：三級(含)以上

HSK : Level 3 (or above)

(2) HSK: Trình độ ba trở lên (bao gồm).

(三) 修習華語文課程 240 小時(含)以上

A proof of 240 hours or more in accumulation of Chinese learning.

(3) Chứng chỉ chứng minh đã học tiếng Trung Quốc ít nhất 240 giờ hoặc hơn.

★依教育部規範，學生須於一年級第二學期結束前通過華語文能力測驗(TOCFL) A2(含)以上，如未通過華語文能力 A2 級(含)以上測驗者，則本校將逕予退學。

According to the regulations of the Ministry of Education, students must pass at least TOCFL Level 2 (A2) before the end of the second semester of the first year. If students fail to achieve a level of A2 or above on the TOCFL, they will be dismissed from school without exception.

★ Theo quy định của Bộ Giáo dục, học sinh phải vượt qua ít nhất mức TOCFL Level 2 (A2) trước khi kết thúc học kỳ thứ hai của năm học thứ nhất. Nếu học sinh không đạt được mức A2 trở lên trong kỳ thi TOCFL, họ sẽ bị đuổi học mà không có ngoại lệ.

四、學業成績規定/ Academic Performance Requirement/ Kết quả học tập

本專班招收學生之學業成績規定為畢業平均成績達 6 以上(滿分 10 分)。

The requirement for admission to this program is a minimum graduation GPA of 6 (out of 10).

Chương trình này yêu cầu các sinh viên đạt điểm trung bình tốt nghiệp từ 6 điểm trở lên (trên tổng điểm 10 điểm).

貳、申請方式及重要日程表/ Application method and Important Dates

II. Phương thức Nộp đơn và Lịch trình Quan trọng

一、申請方式/ Application method

一律採線上系統申請，申請網址如下：

<https://exam.fy.edu.tw/IAC>

All application documents shall be submitted through the online system. The application website is as follows: <https://exam.fy.edu.tw/IAC>



Apply Online

1. Phương thức nộp đơn

Tất cả các tài liệu nộp đơn phải được gửi qua hệ thống trực tuyến. Trang web nộp đơn là: <https://exam.fy.edu.tw/IAC>

二、重要日程表/ Important Dates

Những ngày quan trọng:

重要事項 Important events Sự kiện quan trọng	日期 Dates Ngày
申請期限 Application deadline Hạn nộp đơn	2023 年 12 月 3 日 December 3rd, 2023 Ngày 3 tháng 12 năm 2023
公告錄取名單 Results announcement Thông báo kết quả	2023 年 12 月 20 日 December 20th, 2023 Ngày 20 tháng 12 năm 2023
寄發入學許可 Delivery of admission materials Gửi các tài liệu nhập học	2024 年 1 月 10 日 January 10th, 2024 Ngày 10 tháng 1 năm 2024
開學日期 Classes begin Ngày nhập học	2024 年 2 月 19 日 February 19th, 2024 Ngày 19 tháng 2 năm 2024

備註：外國學生來臺就學辦法第 11 條規定：「外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學」。

Note: Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan Article 11: An international student who reports to register at a university before it is already one-third of the way into the first semester of the current academic year shall be registered for the first semester.

Ghi chú: Điều 11 của Quy định về Học sinh Nước ngoài học tập tại Đài Loan: Một học sinh quốc tế nếu đăng ký nhập học tại một trường đại học trước khi đã qua một phần ba học

kỳ đầu tiên của năm học hiện tại, họ sẽ được đăng ký cho học kỳ đầu tiên.

★入學相關時程日期如有所變更，本校將另行公告及通知。

If the admission schedule is subject to change, further notice or announcements of changes will be made if necessary.

★Nếu lịch trình nhập học có sự thay đổi, trường sẽ thông báo và thông báo về những thay đổi nếu cần thiết.

參、申請應繳交資料/ Required Documents

III. Hồ sơ yêu cầu cần nộp

一、入學申請表/ Application Form

1. Phiếu đăng ký

二、護照影本或其他國籍證明文件

One copy of passport or other equivalent verification of nationality.

2. Bản sao hộ chiếu hoặc tài liệu chứng minh quốc tịch khác.

三、經我國駐外使領館、代表處、辦事處或其他經外交部授權機構驗證之外國學校最高學歷證明文件及成績單（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）。

One copy of the highest academic diploma and the transcript of the highest educational degree authenticated by Taiwan, R.O.C. embassies, representative, consulates, or other mission authorized by the Taiwan Ministry of Foreign Affairs. (If the original document is not in English or Chinese, the document must be notarized after being translated into English or Chinese).

3. Bản chứng thực về bằng cấp học vấn cao nhất và bảng điểm của bằng cấp học vấn cao nhất do các đại sứ quán, đại diện, lãnh sự quán của Đài Loan hoặc các cơ quan khác được ủy quyền bởi Bộ Ngoại giao Đài Loan xác thực (nếu tài liệu gốc không bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung, tài liệu phải được chứng thực sau khi được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Trung).

四、財力證明或全額獎學金證明文件

An official bank financial statement and/or proof of full scholarship award document

最近三個月內經由金融機構提出之中文或英文存款證明美金 3,000 元以上或政府、銀行貸款或民間機構提供全額獎助學金之證明文件。

註一：非本人之財力須另繳附親屬關係證明。

註二：若存款證明之幣值非美金，申請人需自行註明匯率並換算成相當於美金之金額，註記於存款證明上。

註三：全額獎助學金須可提供學生入學第一年學雜費、書籍費、住宿費、保險費及生活費等開銷大約美金 3,000 元以上。

An official bank statement (in Chinese or English) that indicates an account balance of over USD\$3,000. The statement must be issued by a financial institution within 3 months prior to application OR proof of having a full scholarship or grant provided by a government, loan proof of bank or private organization.

Note 1: Non-personal financial resources must be accompanied by a kinship certificate.

Note 2: If the currency of the bank statement is not US dollars, applicants themselves shall do the conversion and write down the exchange rate.

Note 3: The full scholarship entails the provision of funds of approximately \$3,000 or more to cover various expenses, including tuition fees, book costs, accommodation fees, insurance fees, and living expenses during the first year of the student's enrollment.

4. Tờ khai ngân hàng chứng thực (bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh) với số dư tài khoản trên 3.000 đô la Mỹ. Tờ khai phải do một cơ sở tài chính phát hành trong vòng 3 tháng trước ngày nộp đơn HOẶC bằng chứng về việc nhận học bổng hoặc tài trợ đầy đủ từ chính phủ, chứng từ về vay vốn của ngân hàng hoặc tổ chức tư nhân.

Ghi chú 1: Nguồn tài chính không phải cá nhân phải kèm theo chứng chỉ mối quan hệ thân tộc.

Ghi chú 2: Nếu đơn vị tiền tệ của tờ khai ngân hàng không phải là đô la Mỹ, người nộp đơn phải tự thực hiện việc chuyển đổi và ghi tỷ giá.

Ghi chú 3: Học bổng đầy đủ bao gồm việc cung cấp số tiền khoảng 3.000 đô la hoặc nhiều hơn để bao gồm các chi phí khác nhau, bao gồm học phí, phí sách, phí lưu trú, phí bảo hiểm và phí sinh hoạt trong năm học đầu tiên của học sinh.

五、入學申請切結書/ Affidavit letter

學生需填寫報名資格切結書，並親筆簽名。

Students are required to fill out and sign the Eligibility Declaration form personally.

5. Cam kết của học sinh/ Affidavit letter

Học sinh phải điền vào Tuyên bố Điều kiện đăng ký và ký tay.

六、自傳及留學計畫書(需明確說明來輔英就讀動機)

Autobiography and study plan in Chinese or English. (Need to clearly explain your motivation for studying at Fooyin University)

6. Tự sự và kế hoạch học tập/ Autobiography and study plan in Chinese or English. (Cần nêu rõ động lực học tập tại Fooyin University)

七、語言能力證明/ Language Proficiency in Chinese language

本校教學以華語授課為主。申請者需檢附華語文能力證明，符合下列之一：

Classes are instructed mainly in Chinese and partially in English. Applicants should attach either one of the following Chinese proficiency documents:

1. TOCFL 入門級：A1(含)以上/ TOCFL Test：Level A1 (or above)

2. HSK：三級(含)以上/ HSK：Level 3 (or above)

3. 修習華語文課程 240 小時(含)以上/ 240 hours or more in accumulation of Chinese learning.

7. Bằng chứng về khả năng tiếng Trung/ Language Proficiency in Chinese language

Chương trình giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Trung và một phần bằng tiếng Anh. Người nộp đơn cần đính kèm một trong các tài liệu chứng minh khả năng tiếng Trung sau đây:

1. Kết quả kỳ thi TOCFL: Mức A1 (hoặc cao hơn).

2. HSK: Trình độ ba trở lên (hoặc cao hơn).

3. Chứng chỉ chứng minh đã học tiếng Trung ít nhất 240 giờ hoặc hơn.

八、其他有助審查之文件（如英文能力證明、證照、獎狀、推薦信...等）

Other supportive documents. (For example: English language proficiency, Certificates of examinations, awards, recommendation letters, etc.)

8. Tài liệu hỗ trợ khác (Ví dụ: Bằng chứng về trình độ tiếng Anh, Chứng chỉ thi, giấy khen, thư giới thiệu,...v.v.)/ Other supportive documents. (For example: Certificates of examinations, awards, recommendation letters, etc.)

九、申請人於報名時所提供之資料，僅作為本校招生使用，且除提供申請人個人、本校招生相關單位、申請系所、移民署、教育部及其委託之學歷查證單位使用外，其餘均依照「個人資料保護法」相關規定處理。

All applied materials are for school admissions use only, and in addition to providing the individual applicant, admission units, the application program, National Immigration Agency, the Ministry of Education, and the units of academic credential examination, but all the other uses have to be in accordance with the Taiwan "Personal data Protection Act".

9. Thông tin mà người nộp đơn cung cấp trong quá trình đăng ký chỉ dùng cho mục đích tuyển sinh của trường và, ngoài việc cung cấp cho người nộp đơn, các đơn vị tuyển sinh, chương trình nộp đơn, Cơ quan Di trú Quốc gia, Bộ Giáo dục và các đơn vị kiểm tra bằng cấp học vấn, tất cả các sử dụng khác phải tuân theo "Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân" của Đài Loan.

肆、獎學金/ Scholarships

V、Học Bổng/ Scholarships

學期 Semester Kỳ học	獎助學金及住宿費 Scholarships and Accommodation Fee Phí học bổng và ký túc xá	申請資格 Qualification Yêu cầu
第一學期 The 1st Semester Học kỳ 1	學校提供學雜費全免獎助學金及免住宿費 The university provides full tuition and miscellaneous fee waivers and free accommodation for students. Trường cung cấp học phí và phí khác hoàn toàn miễn phí cùng với việc miễn phí lưu trú cho sinh viên.	1. 外籍新生完成註冊程序時，即核定其獎助學金。 The scholarship will be approved when the student completes the registration process. 2. 學校提供全額住宿費補助，但須先繳交宿舍履約保證金 2,000 元，保證履行本校住宿住滿一學年為期之約定。 The university provides a full dormitory scholarship, but students are required to pay dormitory contract bond of NTD 2,000 per person upon applying for dormitory accommodation, as a guarantee for fulfilling a whole year dormitory residency agreement. 1. Học bổng sẽ được chấp thuận khi sinh viên hoàn tất quá trình đăng ký. 2. Trường cung cấp học bổng phí ở trọ đầy đủ, nhưng sinh viên cần phải đóng tiền đặt cọc hợp đồng ký túc xá là 2,000 đồng Đài cho mỗi người khi đăng ký ở trọ, như một đảm bảo cho việc thực hiện thỏa thuận ở trong ký túc xá trong suốt một năm học.
第二學期起至第八學期 From the 2nd semester to the 8th semester Từ học kỳ thứ 2 đến học kỳ thứ 8	給予獎助學金新台幣 10,000 元，並得減免當學期校內住宿費 50%。 The university provides an excellent scholarship of NTD 10,000 and a 50% off on-campus accommodation fees for the current semester. Trường cung cấp học bổng xuất sắc trị giá 10,000 đồng Đài mới và giảm 50% phí ở trọ tại khuôn viên trường cho học kỳ hiện tại.	前一學期學業成績 60 分以上，且出席率(含實習)90%以上及操性成績 80 分以上，且無記過以上違規行為，且無欠繳學雜費者。 The requirements for eligibility are as follows: One must have a grade average of 60 with a 90% class (including internship) attendance and a conduct grade of 80 in previous semester. Neither any major violation of school rules, nor any outstanding fee is also mandatory. Các yêu cầu về tư cách đủ điều kiện như sau: Người nộp đơn phải có điểm trung bình 60 với tỷ lệ tham gia lớp học (bao gồm thực tập) đạt 90% và điểm hạnh kiểm 80 trong học kỳ trước đó. Không được vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định của trường và không có khoản phí chưa thanh toán nào cũng là bắt buộc.

★獎助學金之核發，大學部在學學生以四年為限。本校保留變更上述各項獎助項目與金額之

權利。

The students are eligible for the scholarship for a maximum of four academic years. The University reserves the right to modify the scholarship item and amount mentioned above.

★臺灣獎學金/ Taiwan Scholarship

外國學生得於入境前向中華民國(臺灣)駐外單位或代表處申請政府核發之「臺灣獎學金」，有關獎學金訊息請參考中華民國外交部網頁。(https://www.mofa.gov.tw/cp.aspx?n=72)

International students may apply for Taiwan Scholarship, which is granted by Taiwan, R.O.C., Taiwanese government, through a Taiwan Overseas Representative Office prior to their arrival in Taiwan. For further information, please refer to (https://www.mofa.gov.tw/cp.aspx?n=72)

★Học bổng được cấp cho sinh viên trong khoảng thời gian tối đa là bốn năm học. Trường có quyền thay đổi các mục và số tiền học bổng như đã đề cập ở trên.

★Học bổng Đài Loan/Taiwan Scholarship

Sinh viên quốc tế có thể đăng ký Học bổng Đài Loan, do Chính phủ Đài Loan cấp qua các Văn phòng Đại diện Đài Loan tại nước ngoài trước khi đến Đài Loan. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo (https://www.mofa.gov.tw/cp.aspx?n=72).

伍、系所招生資訊/ Programs and Quotas

VI. Thông tin tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển.

本校經教育部中華民國 112 年 10 月 26 日臺教技(四)字第 1120104832 號函及 112 年 10 月 30 日臺教技(四)字第 1122303134 號函核定通過之班別及名額如下 The programs and quotas are approved by the Ministry of Education via its official document on 2023/10/26(code:臺教技(四)字第 1120104832 號函) and 2023/10/30(code:臺教技(四)字第 1122303134 號函)

Các chương trình và số lượng hạn chế đã được Bộ Giáo dục phê duyệt qua văn bản chính thức của Bộ Giáo dục vào ngày 26/10/2023 và 30/10/2023(mã: Taiwan Education Technology (4) Mã số. 1120104832 TT và 1122303134 TT)

學制 The Academic Degree System Hệ thống bằng cấp	班別 Program Chương trình	招生國籍 Nationality Quốc gia	核定招生名額 Quotas Chỉ tiêu tuyển sinh
四年制大學部 Four-year Bachelor Degree Hệ đại học bốn năm	環境工程與科學系 智慧環控國際學生產學合作專班 International Student-Industry Cooperation Program in Smart Environmental Control, Department of Environmental Engineering and Science Chương trình hợp tác quốc tế giữa sinh viên và doanh nghiệp trong lĩnh vực Kiểm soát môi trường thông minh, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Môi trường	印尼 Indonesia In-đô-nê-si-a 馬來西亞 Malaysia Ma-lay-si-a	40
四年制大學部 Four-year Bachelor Degree Hệ đại học bốn năm	保健營養系 食品製造與安全管理國際學生產學合作專班 International Student-Industry Cooperation Program in Food Manufacturing and Safety Management, Department of Nutrition and Health. Chương trình hợp tác quốc tế giữa sinh viên và doanh nghiệp trong sản xuất thực phẩm và quản lý an toàn, Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe.	印尼 Indonesia In-đô-nê-si-a 越南 Vietnam Việt Nam	40

註一：入學時間：春季班 2 月 19 日。

Note 1: Enrolment Date: Spring Semester February 19.

Lưu ý 1 : Ngày nhập học: Học kỳ mùa xuân ngày 19 tháng 2.

註二：修業年限：學士班為 4~6 年。

Note 2: Program Duration:4~6 years for undergraduates.

Lưu ý 2 : Thời lượng chương trình:4~6 năm dành cho sinh viên đại học.

註三：畢業應修學分：本專班畢業應修學分為 128 學分。

Note 3: Credits requirement for graduation: 128 credits in total.

Lưu ý 3 : Yêu cầu tín chỉ để tốt nghiệp: Tổng cộng 128 tín chỉ.

★申請人請直接與本校在各國正式合作單位或直接透過本校報名，且勿透過其他管道。

Applicant shall submit application via our cooperation partner in each country or submit to our school directly; please do not use other submission channels.

Người nộp đơn phải nộp đơn thông qua đối tác hợp tác của chúng tôi ở mỗi quốc gia hoặc nộp trực tiếp cho trường của chúng tôi; vui lòng không sử dụng các kênh gửi khác.

★本校開班人數每班須達 20 人以上，招生未滿 20 人，本校得不予開班。

The University may preserve the right to cancel some program, if the number of students in each

class doesn't meet 20 or more.

Trường có quyền hủy bỏ một số chương trình nếu số lượng sinh viên trong mỗi lớp không đạt 20 học sinh hoặc hơn.

陸、申請費用/ Application Fee

申請費用：免收

Application Fee: Free of charge

VI/ Phí đăng ký : Miễn phí

柒、審查及錄取通知/ Review and Notification for Admission

VII/ Xét duyệt và Thông báo Kết quả Nhập học

評分項目 Items Các mục đánh giá.	配分 Points Distributed Chia điểm	計分內容 Scoring Content Nội dung tính điểm.
書面資料審查 Review of written materials Xem xét tài liệu bằng văn bản.	70 分 70%	審查申請入學文件完整性，包括基礎華語能力證明、歷年成績及其他有利文件如推薦信、獎狀、證照等。 Reviewing the completeness of the application documents, including a proof of basic Chinese language proficiency, academic transcripts, and other favorable documents such as recommendation letters, certificates, or licenses. Xem xét tính đầy đủ của các tài liệu đăng ký, bao gồm bằng chứng về trình độ tiếng Trung cơ bản, bảng điểm học tập và các tài liệu có lợi khác như thư giới thiệu, chứng chỉ hoặc giấy phép.
面試 Interview Phỏng vấn	30 分 30%	1.個人儀態談吐表現。 Personal demeanor and speech performance. Thái độ cá nhân và hiệu suất lời nói. 2.就讀意願及生涯規劃。 Admission intention and career prospect Ý định nhập học và triển vọng nghề nghiệp

註：若成績有同分的情況，會依序以面試、華文能力、在校成績、相關證照的順序來參酌比序。

Note: If there are cases of the same grades, the ranking will be determined in the following order: Interview, Chinese language proficiency, academic performance, and relevant certificates.

Lưu ý 1:Nếu có trường hợp cùng cấp, việc xếp hạng sẽ được xác định theo thứ tự sau: Phỏng vấn, trình độ tiếng Trung, kết quả học tập và các chứng chỉ liên quan.

一、本校外國學生之入學申請，由各系（所）依其訂定之入學標準進行初審，招生委員會就初審通過名冊予以複審，審查合格錄取之外國新生名冊報請校長核定後，由國際暨

兩岸事務處發給錄取生錄取通知。

The admission of international students will first be evaluated by each corresponding department according to their own admission criteria. A preliminary admission list will be compiled and submitted to the Admission Committee for further review. A final admission roster will be submitted to the principal for approval. An Admission Letter will then be sent to each admitted student by the Office of International and Cross-Strait Affairs.

二、錄取生收到錄取通知後，應於規定時間內回覆國際暨兩岸事務處入學本校之意願。

Applicants who received the Admission Letter should confirm his/her enrollment to the Office of International and Cross-Strait Affairs before the deadline stated.

三、本校確認錄取生有入學意願後，即由國際暨兩岸事務處將入學許可以電子郵件方式及紙本方式寄送給新生。

Once the enrollment is confirmed, Admission Certificate will be sent to all admitted new students by e-mail and hard copy.

四、外國學生入學申請之結果，原則於本校國際暨兩岸事務處受理申請後 10 個工作天內通知申請人（假日順延）；申請人如於交件 20 個工作天後，未接獲本校通知者，請逕洽本校國際暨兩岸事務處查詢。

Application should be processed within 10 working days starting from the day the application is received. If applicants receive no messages from the school after 20 working days, please do not hesitate to contact us immediately.

Chú ý: Trong trường hợp có điểm bằng nhau, thứ tự xếp hạng sẽ được xác định theo thứ tự sau: khả năng tiếng Trung, hiệu suất học tập tại trường, và chứng chỉ liên quan.

1. Đối với đơn đăng ký nhập học của sinh viên nước ngoài tại trường, mỗi khoa (chương trình) sẽ tiến hành đánh giá sơ bộ theo tiêu chuẩn tuyển sinh riêng. Danh sách sơ bộ của sinh viên đã được duyệt sẽ được nộp cho Hội đồng Tuyển sinh để tiến hành đánh giá tiếp theo. Danh sách cuối cùng của sinh viên được nhận vào sẽ được nộp cho hiệu trưởng xác nhận. Sau đó, Văn phòng Quốc tế và Đại lục sẽ gửi thư nhập học cho mỗi sinh viên đã được nhận.

2. Sau khi nhận được Thư Nhận học, ứng viên nên xác nhận việc nhập học tại Văn phòng Quốc tế và Đại lục trước thời hạn đã nêu.

3. Ngay sau khi xác nhận nhập học, Thư Nhận học sẽ được gửi đến tất cả sinh viên mới được nhận bằng cách gửi qua email và bản cứng.

4. Kết quả của đơn đăng ký nhập học của sinh viên nước ngoài sẽ được thông báo cho người nộp đơn trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn (nếu có ngày nghỉ cuối tuần, sẽ được kéo dài). Nếu sau 20 ngày làm việc từ ngày nộp đơn mà người nộp đơn không nhận được thông báo từ trường, vui lòng liên hệ ngay với Văn phòng Quốc tế và Đại lục của trường để tham khảo.

捌、報到與註冊入學/ Registration and Admission

VIII/ Đăng ký và Nhập học

一、外國學生接到入學許可後，應依規定程序辦理報到及註冊手續，逾期末辦理報到者，即以自動放棄入學資格論，但事前以書面提出延期申請並經許可者，不在此限。

Once students receive the Admission Certificate, enrollment procedures should be taken following the provisions of the procedure. Students who fail to enroll on time will be deemed to forfeit their rights of admission, except a written petition is submitted for extension approval.

Sau khi sinh viên nước ngoài nhận được Giấy chấp nhận nhập học, họ cần tuân theo quy định và tiến hành thủ tục đăng ký và nhập học theo quy trình. Sinh viên không thực hiện thủ tục đăng ký đúng hạn sẽ bị xem như đã từ bỏ quyền nhập học, trừ khi có đơn xin gia hạn được nộp trước và được chấp thuận.

- 二、外國學生經入學後，如發現有申請文件資格不符、偽造、假借、塗改等情事，一經查明即開除學籍，亦不發給任何學歷證件；如於畢業後始發覺者，除勒令繳銷其畢業證書外，並公告取消其畢業資格。

Admission shall be denied and/or the student shall be dismissed from Fooyin University after admission if there are any violations of the general academic honor codes and/ or in the authenticity of the applicant's documents. Those who have graduated shall have their diploma revoked.

Sau khi nhập học, nếu phát hiện bất kỳ vi phạm về yêu cầu tài liệu, giả mạo, sử dụng tài liệu giả mạo hoặc vi phạm trong việc xác thực tài liệu đăng ký, học sinh sẽ bị đình chỉ học tập tại Trường Đại học Fooyin và không sẽ không được cấp bất kỳ văn bằng học vụ nào. Đối với những người đã tốt nghiệp, học bằng của họ sẽ bị thu hồi và thông báo hủy bỏ tình trạng tốt nghiệp của họ.

- 三、外國學生來臺註冊後，需配合參加本校新生體檢。

Each student needs to have a physical examination in school after registration.

Sau khi đăng ký nhập học tại Đài Loan, tất cả sinh viên nước ngoài phải tham gia cuộc kiểm tra sức khỏe dành cho sinh viên mới của trường.

- 四、外國學生來臺註冊後，仍需配合參加本校新生體檢。

Each student also needs to have a physical examination in school after registration.

Mỗi học sinh cũng cần được khám sức khỏe tại trường sau khi đăng ký.

玖、學雜費/ Tuition and Miscellaneous Fees

IX/ Học phí và các khoản phí khác

提供 2024 年春季班學雜費收費標準如下表：

Tuition and miscellaneous fees for 2024 Spring Semester are for reference.

Học phí và các khoản phí khác cho Học kỳ mùa xuân 2024 chỉ mang tính chất tham khảo.

班別/ Program Chương trình	Tuition and miscellaneous fees / Per semester (NTD) Học phí và các khoản phí khác / Mỗi kỳ học (NTD)
大學日間部四年制/ 4-year Bachelor Programs Chương trình Đại học chính quy 4 năm	
保健營養系 食品製造與安全管理國際學生產學合作專班 International Student-Industry Cooperation Program in Food Manufacturing and Safety Management, Department of Nutrition and Health Ngành Dinh dưỡng và Sức khỏe Chương trình Hợp tác Sinh viên - Công nghiệp Quốc tế về Sản xuất và Quản lý An toàn Thực phẩm, Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe	學費(tuition) 39,810 , 雜費(miscellaneous fees) 16,800 共計(total) 56,610 Học phí: 39,810 Các khoản phí khác: 16,800 Tổng cộng: 56,610
環境工程與科學系 智慧環控國際學生產學合作專班 International Student-Industry Cooperation Program in Smart Environmental Control, Department of Environmental Engineering and Science Ngành Kỹ thuật và Khoa học Môi trường Chương trình Hợp tác Sinh viên - Công nghiệp Quốc tế về Kiểm soát Môi trường Thông minh, Khoa Kỹ thuật và Khoa học Môi trường	學費(tuition) 39,810 , 雜費(miscellaneous fees) 14,060 共計(total) 53,870 Học phí: 39,810 Các khoản phí khác: 14,060 Tổng cộng: 53,870

2024 年春季班學雜費退費標準如下表：

Refund standards of tuition and miscellaneous fees for 2024 Spring Semester are shown as follows.

Tiêu chuẩn hoàn trả học phí và các khoản phí khác cho Học kỳ mùa xuân 2024 được trình bày như sau.

休退學時間 Time of withdrawal Thời gian rút học	Refund standard Tiêu chuẩn hoàn tiền
一、註冊截止（上課/開學）日之前一日辦理休退學者 Complete the withdrawal procedures by the registration deadline. Hoàn thành thủ tục rút học trước hạn đăng ký.	免繳學雜費，已繳費者全額退 Tuition: Do not have to pay (Total amount refunded, if already paid) Miscellaneous fees: Do not have to pay (Total amount refunded, if already paid) Học phí: Không cần phải thanh toán (Hoàn trả tổng số

	tiền nếu đã thanh toán trước đó) Các khoản phí khác: Không cần phải thanh toán (Hoàn trả tổng số tiền nếu đã thanh toán trước đó)
二、上課（開學）日（含當日）之後未逾學期三分之一辦理休退學者 Complete the withdrawal procedures before one-third of semester. Hoàn thành thủ tục rút học trước một phần ba của học kỳ.	學費、雜費退三分之二 Tuition: Two-thirds of the total amount refunded. Miscellaneous fees: Two-thirds of the total amount refunded. Học phí: Hoàn trả hai phần ba tổng số tiền. Các khoản phí khác: Hoàn trả hai phần ba tổng số tiền.
三、上課（開學）日（含當日）之後逾學期三分之一未逾學期三分之二辦理休退學者 Complete the withdrawal procedures before two-third of semester. Hoàn thành thủ tục rút học trước hai phần ba của học kỳ.	學費、雜費退三分之一 Tuition: One-third of the total amount refunded. Miscellaneous fees: One-third of the total amount refunded. Học phí: Hoàn trả một phần ba tổng số tiền. Các khoản phí khác: Hoàn trả một phần ba tổng số tiền.
四、上課（開學）日（含當日）之後逾學期三分之二辦理休退學者 Complete the withdrawal procedures after two-third of semester. Hoàn thành thủ tục rút học sau hai phần ba của học kỳ.	學費、雜費不予退費 Tuition: NO REFUND Miscellaneous fees: NO REFUND Học phí: KHÔNG HOÀN TRẢ Các khoản phí khác: KHÔNG HOÀN TRẢ

備註：獲領本校境外學生獎勵金者，不予退費。

Note: No refunds will be given for the recipient of Fooyin University international student scholarship.

Chú thích: Người nhận học bổng sinh viên quốc tế của Đại học Fooyin sẽ không được hoàn lại tiền.

拾、住宿與生活費/ Accommodation and Living Expenses

X/ Chi phí ở và sinh hoạt

- 一、本校備有男女生宿舍，每間房可住 4 至 6 人，設置有網路、電話、空調、電腦桌及單元式傢具等溫馨舒適。學生宿舍費用每學期新臺幣 11,000~13,500 元。

Basic dormitory Fee (On-campus Dormitory)

The dormitory fee ranges from NTD\$11,000-13,500 per semester for 6-bed to 4-bed room respectively. These rooms are equipped with air conditioning, computer tables, furniture, telephone, and free Wi-Fi.

Trường chúng tôi có sẵn ký túc xá nam nữ, mỗi phòng có thể ở từ 4 đến 6 người, được trang bị mạng, điện thoại, máy lạnh, bàn máy tính và nội thất đơn vị để mang lại môi trường ấm cúng và thoải mái. Chi phí ký túc xá cho sinh viên mỗi kỳ học là từ 11.000-13.500 Đài Đôla (NTD).

Phí ký túc xá cơ bản (Ký túc xá trên cơ sở trường)

Chi phí ký túc xá dao động từ 11.000-13.500 Đài Đôla (NTD) mỗi kỳ học tương ứng cho phòng 6 giường và phòng 4 giường. Các phòng này được trang bị máy lạnh, bàn máy tính, nội thất, điện thoại và Wi-Fi miễn phí.

- 二、凡申請住宿且已分配床位之學生，應繳交宿舍履約保證金 2,000 元，保證履行本校住宿住滿一學年為期之約定。已按規定住滿第一學期而同學年第二學期續住者，其宿舍履約保證金於同學年第二學期住宿繳費單中自動扣除。凡未住滿第一學期或住滿第一學期但同學年第二學期不續住者，其宿舍履約保證金一律不予退還。

Students are required to pay dormitory contract bond of NTD 2,000 per person upon applying for dormitory accommodation, as a guarantee for fulfilling a whole year dormitory residency agreement. For students who have completed the first semester and continue to stay in the dormitory for the second semester, the dormitory contract bond will be automatically deducted from the second semester's accommodation fee. For students who have not completed the first semester or have completed the first semester but do not continue to stay for the second semester, the dormitory contract bond will not be refunded.

Những sinh viên đã nộp đơn xin ở ký túc xá và đã được phân phòng, sẽ phải đóng một khoản tiền đặt cọc ký túc xá là 2.000 Đài Đôla (NTD) để đảm bảo thực hiện thỏa thuận lưu trú ký túc xá trong suốt một năm học. Đối với những sinh viên đã hoàn thành học kỳ đầu tiên và tiếp tục ở trong ký túc xá trong học kỳ thứ hai, số tiền đặt cọc ký túc xá sẽ tự động được trừ vào lệ phí lưu trú của học kỳ thứ hai. Đối với những sinh viên chưa hoàn thành học kỳ đầu tiên hoặc đã hoàn thành học kỳ đầu tiên nhưng không tiếp tục ở trong học kỳ thứ hai, số tiền đặt cọc ký túc xá sẽ không được hoàn trả.

- 三、生活費每個月約新臺幣 4,000 元~6,000 元。

Basic living expenses is approximately from NTD\$ 4,000 to NTD\$ 6,000 per month.

Chi phí sinh hoạt cơ bản mỗi tháng ước tính từ 4.000 Đài tệ (NTD) đến 6.000 Đài tệ (NTD).

拾壹、保險/ Insurance

XI/ Bảo hiểm

學生團體保險費	NTD\$ 642/ per semester
---------	-------------------------

Student Insurance Bảo hiểm học sinh	(一學期) * 參考標準 (for reference) 642 Đài tệ / mỗi kỳ học (một học kỳ) (一學期) * Giá tham khảo
全民健康保險 (入學後第七個月開始) National Health Insurance (starting from the seventh month of enrollment) Bảo hiểm Y tế Quốc gia (bắt đầu từ tháng thứ bảy sau khi nhập học)	NTD\$ 826/ per month (一個月) 826 Đài tệ/1 tháng
外國學生健康保險(學生前七個月若無保險) International Student Health Insurance (For students without coverage within the first seven months of study) Bảo hiểm sức khỏe cho Sinh viên Quốc tế (Dành cho sinh viên không có bảo hiểm trong vòng bảy tháng đầu tiên của học tập)	NTD\$ 500/ per months (一個月) 500 Đài tệ/ 1 tháng

一、學生於入臺時，應檢附已投保自入境當日起至少七個月效期之醫療及傷害保險，前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外館處驗證。

International students shall present proof of a medical and injury insurance policy which is valid for at least 7 months from the date the student arrive in Taiwan. The above-mentioned written proof of insurance issued in a foreign country shall be verified by Overseas Agencies.

1. Khi nhập cảnh vào Đài Loan, sinh viên quốc tế cần đính kèm bằng chứng về chính sách bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn có hiệu lực ít nhất bảy tháng kể từ ngày học sinh nhập cảnh vào Đài Loan. Bằng chứng về bảo hiểm nêu trên do quốc gia nước ngoài phát hành sẽ cần được xác minh bởi các cơ quan đại diện tại nước ngoài.

二、外國學生在臺獲領居留證後並連續居住滿六個月，始可加入全民健保。

International students are eligible to enroll in the National Health Insurance Program, after received "Alien Residence Certificate" and live in Taiwan continuously for six months.

2. Sinh viên quốc tế tại Đài Loan sẽ có đủ điều kiện tham gia Chương trình Bảo hiểm Y tế Quốc gia sau khi nhận "Thẻ Cư trú Người nước ngoài" và lưu trú liên tục tại Đài Loan trong ít nhất sáu tháng.

拾貳、其他注意事項/ Other Important Information

XII/ Những thông tin quan trọng khác

- 一、入學許可並不保證簽證核給；簽證核發需檢付相關文件至我國駐外館處申請。

(請參閱外交部領事局申請居留簽證說明 <https://www.boca.gov.tw/cp-9-185-35222-1.html>)

The Admission Certificate does not guarantee visa issuance. Visas are approved by the Ministry of Foreign Affairs. (Please visit the Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs, R.O.C at <https://www.boca.gov.tw/cp-9-185-35222-1.html>)

Giấy phép nhập học không đảm bảo việc cấp visa; việc cấp visa phải nộp các tài liệu liên quan đến cơ quan đại diện tại nước ngoài của Đài Loan để xin visa.

(Vui lòng tham khảo Hãng Dịch vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao, Cộng hòa Trung Hoa Đài Loan tại <https://www.boca.gov.tw/cp-9-185-35222-1.html>)

- 二、依行政院衛生署疾病管制局規定，自 2009 年 1 月起，凡申請來臺居留簽證，需檢具麻疹及德國麻疹抗體陽性報告或預防接種證明。詳細說明請參閱外交部領事事務局網站 (<https://www.boca.gov.tw>)。

According to the regulations of the Center for Disease Control (CDC), Department of Health, Executive Yuan, R.O.C. (Taiwan), as of January 2009 those who apply for a resident visa must submit a medical report showing immunity to measles and rubella or proof of vaccination against measles and rubella. Please refer to the Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs, R.O.C. (Taiwan) website (<https://www.boca.gov.tw>) for details.

Theo quy định của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật (CDC), Bộ Y tế, Văn phòng Thư ký Thường trực, Cộng hòa Trung Hoa Đài Loan (Taiwan), kể từ tháng 1 năm 2009, những người nộp đơn xin cấp thẻ cư trú phải đệ trình báo cáo y tế chứng minh miễn dịch với bệnh sởi và rubella hoặc chứng minh tiêm chủng phòng bệnh sởi và rubella. Xin vui lòng tham khảo trang web của Hãng Dịch vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao, Cộng hòa Trung Hoa Đài Loan (<https://www.boca.gov.tw>) để biết thêm chi tiết.

- 三、依據菸害防治法，本校全面禁煙。

According to the Tobacco Hazard Control Act, smoking is completely banned on campus.

Theo Luật Phòng chống Tác động của Thuốc lá, việc hút thuốc là hoàn toàn bị cấm trong khuôn viên trường.

- 四、本申請入學係依據「輔英科技大學學生學籍規則」及「輔英科技大學外國學生招生規定」辦理。

International student admissions are based on “Fooyin University study regulations” and “Fooyin University regulations on governing international student admissions.”

Việc tuyển sinh sinh viên quốc tế dựa trên “quy định học tập của Đại học Fooyin” và “quy định của Đại học Fooyin về quản lý tuyển sinh sinh viên quốc tế”.

- 五、「輔英科技大學外國學生招生規定」係依據教育部「外國學生來臺就學辦法」所訂定，該辦法若經修正，將以教育部公告為準。

Fooyin University regulations on governing international student admissions are established following the Ministry of Education (MOE) “Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan.” If MOE regulations are revised, the latest MOE regulations shall prevail.

Các quy định của Đại học Fooyin về quản lý tuyển sinh sinh viên quốc tế được thiết lập theo

“Quy định về sinh viên quốc tế thực hiện nghiên cứu tại Đài Loan” của Bộ Giáo dục (MOE). Nếu các quy định của MOE được sửa đổi thì các quy định mới nhất của MOE sẽ được áp dụng.

六、本簡章若有未盡事宜，依相關法令規定及本校審查會議決議辦理。

Any application matters not stipulated here shall be handled following Fooyin University regulations and Admissions Committee decisions.

Những vấn đề đăng ký nào không được quy định trong bản hướng dẫn này sẽ được xử lý theo các quy định của Trường Đại học Fooyin và các quyết định của Hội đồng Tuyển sinh.

七、輔英科技大學並未委託或授權其他單位或個人處理招生相關業務或收取任何費用。

Fooyin University has not authorized or collaborated with any person or group for international student recruitment and fee collection.

Trường Đại học Fooyin không ủy quyền hoặc hợp tác với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào để tiến hành việc tuyển sinh sinh viên quốc tế hoặc thu thập bất kỳ khoản phí nào.

八、若有招生或入學爭議可向本校國際暨兩岸事務處反應申訴，再經本校招生委員會討論決議處理。

Should any controversies regarding recruitment or admission happen, the student may appeal to the Office of International and Cross-strait Affairs of the Fooyin University, and then the case will be processed by the Committee of Recruitment of the University.

Nếu có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tuyển sinh hoặc nhập học, học sinh có thể gửi khiếu nại đến Văn phòng Quốc tế và Đối liên Đài của Trường Đại học Fooyin, sau đó vụ việc sẽ được xem xét và giải quyết bởi Hội đồng Tuyển sinh của Trường.

九、本招生簡章中文、英文、越南文或印尼文，若有文字敘述衝突之處，以中文敘述為依據。

If there is any conflict in the Chinese, English, Vietnamese, or Indonesian versions of this brochure. The Chinese version will prevail.

Nếu có bất kỳ xung đột nào trong các phiên bản tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Việt hoặc tiếng Indonesia của tài liệu này. Phiên bản Trung Quốc sẽ chiếm ưu thế.

Phụ lục I

輔英科技大學 2024 年新南向產學合作國際專班(春季班)申請入學繳交資料檢點表

Application Checklist Danh sách kiểm tra ứng dụng

No. Số	入學申請繳交資料項目 Items of Documents for Admission Application Các Mục Tài Liệu Đăng Ký Nhập Học	確認 Check Xác Nhận
01	入學申請表/ Application form Phiếu đăng ký nhập học	
02	照片/ Latest photo 6 個月內五官清晰、脫帽證件照/ Unmounted full-face photo taken within the past six months Ảnh mới nhất Ảnh chân dung toàn bộ khuôn mặt chụp trong vòng sáu tháng gần đây, rõ ràng khuôn mặt, không đội mũ	
03	護照影本或其他國籍證明文件 Copy of passport or other equivalent verification of nationality Bản sao hộ chiếu hoặc các tài liệu xác minh quốc tịch tương đương	
04	經我國駐外使領館、代表處、辦事處或其他經外交部授權機構驗證之外國學校最高學歷證明文件及成績單（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）。 One copy of the highest academic diploma and the transcript of the highest educational degree authenticated by Taiwan, R.O.C. embassies, representative, consulates, or other mission authorized by the Taiwan Ministry of Foreign Affairs. (If the original document is not in English or Chinese, the document must be notarized after being translated into English or Chinese). Một bản sao của bằng cấp học vấn cao nhất và bằng điểm của bằng cấp học vấn cao nhất được xác thực bởi các đại sứ quán, đại diện, lãnh sự quán của Đài Loan, Cộng hòa Trung Hoa, hoặc các nhiệm vụ khác được ủy quyền bởi Bộ Ngoại giao Đài Loan. (Nếu tài liệu gốc không bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung, tài liệu cần được công chứng sau khi dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Trung).	
05	財力證明或全額獎學金證明文件 An official bank financial statement and/ or full scholarship award document 最近三個月內經由金融機構提出之中文或英文存款證明新臺幣 90,000 元以上（約美金 3,000 元）或政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明文件。 註 1：非本人之財力須另繳附親屬關係證明。 註 2：若存款證明之幣值非美金，申請人需自行註明匯率並換算成相當於美金之金額，註記於存款證明上。 An official bank statement (in Chinese or English) that indicates an account balance of over NTD 90,000 (approximate USD 3,000). The statement must be issued by a financial institution within 3 months prior to application OR proof of having a full scholarship or grant provided by a government, university, college, or private organization. Note 1: Non-personal financial resources must be accompanied by a kinship certificate. Note 2: If the currency of the bank statement is neither NT dollars nor US dollars, applicants themselves shall do the conversion and write down the exchange rate. Một bản sao chứng từ ngân hàng chính thức (bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh) cho thấy số dư tài khoản trên 3.000 USD. Chứng từ phải được cấp bởi một cơ sở tài chính trong vòng 3 tháng trước khi nộp đơn hoặc bằng chứng về việc được hưởng học bổng hoặc tài trợ đầy đủ từ một chính phủ, chứng từ vay vốn của ngân hàng hoặc tổ chức tư nhân. Chú ý 1: Các nguồn tài chính không phải cá nhân phải được kèm theo giấy chứng nhận quan hệ họ hàng. Chú ý 2: Nếu tiền tệ trên chứng từ ngân hàng không phải là đô la Mỹ, người nộp đơn phải tự thực hiện việc chuyển đổi và ghi lại tỷ giá hối đoái.	
06	入學申請切結書/ Affidavit letter 學生需填寫報名資格切結書，並親筆簽名。 Students are required to fill out and sign the Eligibility Declaration form personally. Thư cam kết về đăng ký nhập học Sinh viên cần điền thông tin và tự mình ký vào mẫu Đơn xác nhận Điều kiện đăng ký.	
07	學生重要權利義務通知書/ Notice of Rights and Obligations for students 學生需詳細閱讀後並親筆簽名。	

	Students are required to carefully read and personally sign this document. Thư thông báo về Quyền và Nghĩa vụ Quan trọng của Sinh viên Sinh viên cần đọc kỹ tài liệu này và tự mình ký vào đây.	
08	自傳及留學計畫書(需明確說明來輔英就讀動機) Autobiography and study plan in Chinese or English. (Need to clearly explain your motivation for studying at Fooyin University) Bản Tự sự và kế hoạch học tập bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh. (Cần nêu rõ động lực học tập tại Fooyin University)	
09	語言能力證明/ Language Proficiency in Chinese language 本校教學以華語授課為主。申請者需檢附華語文能力證明，符合下列之一： Classes are instructed mainly in Chinese and partially in English. Applicants should attach one of the following Chinese proficiency documents: 1.TOCFL 入門級：A1(含)以上/ TOCFL Test：Level A1 (or above) 2.HSK：三級(含)以上/ HSK：Level 3 (or above) 3.修習華語文課程 240 小時(含)以上/A proof of 240 hours or more in accumulation of Chinese learning Chứng chỉ Năng lực Tiếng Trung Giảng dạy tại trường chủ yếu bằng tiếng Hoa và một phần bằng tiếng Anh. Người nộp đơn cần kèm theo một trong các tài liệu chứng minh năng lực tiếng Hoa sau đây: 1. Chứng chỉ TOCFL: Cấp độ A1 (hoặc cao hơn) 2. HSK: Trình độ ba trở lên (hoặc cao hơn). 3. Chứng chỉ chứng minh học tiếng Hoa tích lũy 240 giờ hoặc hơn.	
10	其他有助審查之文件（如證照、獎狀、推薦信...等）/ Other supplemental documents. (For example: certificates of examinations, awards, recommendation letters etc.). Các tài liệu bổ sung khác có thể hỗ trợ quá trình xem xét (ví dụ: bằng cấp thi, giấy chứng nhận, thư giới thiệu, v.v.).	
11	在學證明（選繳） Verification of enrollment (optional) Chứng nhận đang học tập (tùy chọn)	

Note :

1. All documents provided in language other than Chinese or English should provide the notarized translations in Chinese or English along with the original documents.
2. All documents which require authorization should be done by the representative office or overseas embassy of Taiwan of your country.
3. Expecting graduates shall submit their up-to-date transcript and certificate of enrollment before completing the authorization process with the representative office or overseas embassy of Taiwan in your country. Please provide notarized copies in Chinese or English.

Ghi chú:

1. Các tài liệu được cung cấp bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Trung hoặc tiếng Anh cần phải kèm theo bản dịch công chứng bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh cùng với tài liệu gốc.
2. Tất cả các tài liệu cần được ủy quyền nên được thực hiện bởi văn phòng đại diện hoặc đại sứ quán Đài Loan ở quốc gia của bạn.
3. Sinh viên sắp tốt nghiệp nên nộp bản sao bằng điểm và chứng chỉ đang học trước khi hoàn thành quy trình ủy quyền với văn phòng đại diện hoặc đại sứ quán Đài Loan ở quốc gia của bạn. Vui lòng cung cấp các bản sao được công chứng bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh.